

Số: 2074/QĐ-UBND

An Xuyen, ngày 28 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026  
cho Văn phòng Đảng ủy phường An Xuyen**  
*(Điều chỉnh chi từ tài khoản chi lệnh chi tiền sang chi bằng tài khoản dự toán)*

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN XUYỀN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường An Xuyen, khóa I, kỳ họp thứ Ba, về dự toán ngân sách phường An Xuyen năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường An Xuyen về phân bổ dự toán ngân sách phường An Xuyen năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường An Xuyen về giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Văn phòng Đảng ủy phường An Xuyen;*

*Căn cứ Công văn số 7110/STC-NS ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc hình thức chi ngân sách nhà nước đối với các đơn vị khối đảng;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 378/TTr-KTHTĐ ngày 24/7/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Văn phòng Đảng ủy phường An Xuyen, với số tiền **7.727.000.000 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu đồng)** (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Thủ trưởng đơn vị đề cao trách nhiệm của mình trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, tuân thủ dự toán; xây dựng kế hoạch sử dụng dự toán được giao trong năm, không để phát sinh. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đảm bảo sử dụng ngân sách đúng Luật, linh hoạt và tiết kiệm.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Chánh Văn phòng Đảng ủy, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết số 2276/QĐ-UBND ngày 29/12/2025./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND phường (b/c);
- CT, PCT UBND phường;
- Phòng giao dịch số 12;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.<sup>o</sup>

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Minh**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy phường An Xuyên

Mã số đơn vị: 1166062

Mã KBNN: 0971

(Kèm theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của Chủ tịch UBND phường An Xuyên)

| STT | Nội dung                                                                                                                    | Tổng số       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| I   | Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí                                                                                  |               |
| 1   | Số thu phí, lệ phí                                                                                                          |               |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                                                            |               |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                                                                                     |               |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                              | 7.727.000.000 |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                                                                                      | 7.727.000.000 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (340-351-13)                                                                               | 5.192.064.000 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (340-351-12)                                                                         | 2.534.936.000 |
|     | - Chi hoạt động của cấp ủy và mua sắm sửa chữa (bao gồm chi các khoản chi bồi dưỡng theo Quy định 113-QĐ/TW ngày 25/3/2026) | 1.965.438.000 |
|     | - Chi phụ cấp cấp ủy, Báo cáo viên, Dự luận Xã hội, Ban Công tác 35, hỗ trợ Tổ cộng tác viên Ban công tác 35                | 516.498.000   |
|     | - Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Đảng ủy Công ty thương nghiệp (bao gồm chi phụ cấp cấp ủy theo quy định)                    | 53.000.000    |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                      |               |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                                                                   |               |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                                                      |               |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                                                                          |               |
| 6   | Chi sự nghiệp kinh tế                                                                                                       |               |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                                                                             |               |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                                                                             |               |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình                                                                                       |               |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                                                                              |               |

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của Chủ tịch UBND phường An Xuyến)

| STT | Nội dung                                                                                                                    | Tổng số       | Chi tiết theo đơn vị sử dụng (phân cấp 0 đến cấp 4) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                             |               | Văn phòng Đảng ủy phường                            |
| A   | B                                                                                                                           | 1             | 2                                                   |
| I   | Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí                                                                                  |               |                                                     |
| 1   | Số thu phí, lệ phí                                                                                                          |               |                                                     |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                                                            |               |                                                     |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                                                                                     |               |                                                     |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                              | 7.727.000.000 | 7.727.000.000                                       |
| 1   | Chi quản lý hành chính                                                                                                      | 7.727.000.000 | 7.727.000.000                                       |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (340-351-13)                                                                               | 5.192.064.000 | 5.192.064.000                                       |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (340-351-12)                                                                         | 2.534.936.000 | 2.534.936.000                                       |
|     | - Chi hoạt động của cấp ủy và mua sắm sửa chữa (bao gồm chi các khoản chi bồi dưỡng theo Quy định 113-QĐ/TW ngày 25/3/2026) | 1.965.438.000 | 1.965.438.000                                       |
|     | - Chi phụ cấp cấp ủy, Báo cáo viên, Dự luận Xã hội, Ban Công tác 35, hỗ trợ Tổ cộng tác viên Ban công tác 35                | 516.498.000   | 516.498.000                                         |
|     | - Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Đảng ủy Công ty thương nghiệp (bao gồm chi phụ cấp cấp ủy theo quy định)                    | 53.000.000    | 53.000.000                                          |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                      |               |                                                     |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                                                                   |               |                                                     |
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                                                      |               |                                                     |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                                                                                                          |               |                                                     |
| 6   | Chi sự nghiệp kinh tế                                                                                                       |               |                                                     |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                                                                             |               |                                                     |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                                                                             |               |                                                     |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình                                                                                       |               |                                                     |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                                                                              |               |                                                     |
|     | Mã số đơn vị sử dụng NSNN                                                                                                   | 1166062       | 1166062                                             |
|     | Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch                                                                                        | 0971          | 0971                                                |